

Số: 08 /2016/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở, công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở, công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chỉ giới đường đỏ (lộ giới) các tuyến đường trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc có trách nhiệm:

a) Ban hành bản đồ phân vùng quản lý chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đối với nhà trong hẻm sau khi thỏa thuận về chuyên môn với Sở Xây dựng trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Quyết định này được ban hành.

b) Tổ chức niêm yết, công bố công khai Quy định kèm theo Quyết định này bằng nhiều hình thức để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện.

c) Tổ chức thực hiện việc quản lý quy hoạch xây dựng nhà ở, công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Bảo Lộc theo đúng Quy định kèm theo Quyết định này.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc trong việc tổ chức thực hiện.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc và Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Xây dựng;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Lâm Đồng;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh; các CV;
- Website Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**

## QUY ĐỊNH

### Lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở, công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2016/QĐ-UBND  
ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi áp dụng.

1. Quy định lộ giới và các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch, xây dựng đối với nhà ở, công trình riêng lẻ trên địa bàn các phường thuộc thành phố Bảo Lộc là những quy định bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình lập hồ sơ xin phép xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng sau khi cấp phép.

2. Đối với các khu vực đã có đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị được duyệt thì áp dụng các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo các đồ án đó.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các công trình do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng, bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà ở kết hợp thương mại - dịch vụ - du lịch và các công trình xây dựng riêng lẻ trên đất ở.

2. Công trình riêng lẻ áp dụng theo quy định này bao gồm: Các công trình có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 300m<sup>2</sup> và chiều ngang công trình nhỏ hơn hoặc bằng 12m (đối với khu vực quy định nhà liên kế có sân vườn, nhà phố) hoặc công trình có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 400m<sup>2</sup> và chiều ngang công trình nhỏ hơn hoặc bằng 16m (đối với khu vực quy định nhà biệt thự, biệt lập, song lập).

3. Đối với công trình riêng lẻ khác có quy mô lớn hơn và chỉ tiêu kiến trúc lớn hơn quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc công trình xây dựng trên đất phi nông nghiệp thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc từng trường hợp cụ thể.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhà ở kết hợp thương mại - dịch vụ - du lịch là nhà ở riêng lẻ có kết hợp sử dụng vào mục đích ở và thương mại - dịch vụ - du lịch (cơ sở lưu trú, nhà hàng, văn phòng, cửa hàng, ...).

2. Nhà biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) là nhà xây dựng riêng lẻ có lối đi riêng và các mặt đứng cách ranh đất tối thiểu một khoảng theo quy định.

3. Tầng bán hầm là tầng nằm dưới cao trình nền tầng trệt và có ít nhất một mặt đứng không tiếp giáp với đất hoặc kê chắn đất (mặt thoáng).

4. Số tầng cao: số tầng được tính từ cao trình nền tầng trệt, kể cả tầng lửng, tầng áp mái (nếu có).

5. Tầng áp mái: Tầng nằm bên trong không gian của mái dốc mà toàn bộ hoặc một phần mặt đứng của nó được tạo bởi bề mặt mái nghiêng hoặc mái gấp, trong đó tường đứng (nếu có), không cao quá mặt sàn 1,5m.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH VỀ LÔ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Điều 4. Quản lý quy hoạch trong việc giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất với lô (thửa) mới**

1. Lô đất xây dựng nhà ở thuộc các đường có tên trong Phụ lục 1 và các đường, đường hẻm có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 10m theo Bảng 1, cụ thể:

Bảng 1:

STT	Loại nhà ở	Chiều ngang tối thiểu của lô đất	Diện tích tối thiểu của lô đất
1	Biệt thự	14,0m	400m <sup>2</sup>
2	Biệt thự tiêu chuẩn (biệt lập)	12,0m	250m <sup>2</sup>
3	Nhà song lập	2 x 10,0m	2 x 140m <sup>2</sup>
4	Nhà liên kế có sân vườn	4,5m	72m <sup>2</sup>
5	Nhà phố	4,0m	40m <sup>2</sup>

2. Lô đất xây dựng nhà ở thuộc các đường, đường hẻm có lộ giới nhỏ hơn 10m thì cho phép giảm diện tích và kích thước tối thiểu của lô đất theo Bảng 2. Cụ thể:

Bảng 2:

STT	Loại nhà ở	Chiều ngang tối thiểu của lô đất	Diện tích tối thiểu của lô đất
1	Biệt thự tiêu chuẩn (biệt lập)	10,0m	200m <sup>2</sup>
2	Nhà song lập	2 x 8,0m	2 x 112m <sup>2</sup>
3	Nhà liên kế có sân vườn	4,0m	64m <sup>2</sup>
4	Nhà phố	3,3m	40m <sup>2</sup>

**Chương III**  
**QUY ĐỊNH VỀ KIẾN TRÚC, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Điều 5. Quy định về mật độ xây dựng**

Mật độ xây dựng được xác định cụ thể trong Bảng 3

Bảng 3:

STT	Loại nhà ở	Mật độ xây dựng tối đa trên diện tích lô đất ở
1	Biệt thự	30%
2	Biệt thự tiêu chuẩn (biệt lập)	50%
3	Nhà song lập	50%
4	Nhà liên kế có sân vườn	80%
5	Nhà phố	90% -100%

**Điều 6. Quy định về dạng kiến trúc, khoảng lùi và số tầng cao nhà.**

1. Đối với nhà xây dựng thuộc mặt tiền các đường có tên trong Phụ lục 1 (quy định về lộ giới, dạng kiến trúc, khoảng lùi, tầng cao theo tên đường) thì các chỉ tiêu tuân thủ theo Phụ lục 1. Trong khu vực quy định xây dựng nhà biệt lập, có thể xem xét cho phép xây dựng nhà song lập với điều kiện đảm bảo quy định tại Bảng 1, Bảng 2.

2. Đối với nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) xây dựng mới, nâng cấp trên lô đất quy định tại Bảng 1 đảm bảo diện tích, kích thước chiều ngang lô đất thì khoảng cách từ mép công trình đến ranh đất bên hông và phía sau tối thiểu 2,0m.

3. Đối với nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) cải tạo, sửa chữa trên lô đất quy định tại Bảng 1, xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo sửa chữa trên lô đất thuộc quy định tại Bảng 2 đảm bảo diện tích, kích thước chiều ngang lô đất thì khoảng cách từ mép công trình đến ranh đất bên hông và phía sau tối thiểu 1,0m.

4. Đối với nhà liên kế có sân vườn tại các khu quy hoạch mới thì khoảng cách từ mép công trình đến ranh đất phía sau tối thiểu 2,0m. Đối với các khu ở hiện trạng khuyến khích có khoảng cách phía sau.

5. Đối với nhà xây dựng trong các đường hẻm, đường chưa có tên trong Phụ lục 1 (quy định về lộ giới, dạng kiến trúc, khoảng lùi, tầng cao theo tên đường) thì khoảng lùi và tầng cao thực hiện theo Bảng 4.

Bảng 4:

STT	Loại nhà ở	Lộ giới (đường, đường hẻm)	Khoảng lùi tối thiểu	Tầng cao tối đa cho phép
1	Nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (biệt lập), song lập	Lộ giới $\geq 16m$	4,5m	3 tầng
		Lộ giới $< 16m$	3,0m	3 tầng
2	Nhà liên kế có sân vườn	Lộ giới $\geq 14m$	2,4m	4 tầng
		$14m > \text{Lộ giới} \geq 4m$	2,4m	3 tầng
		Lộ giới $< 4m$	2,4m	2 tầng
3	Nhà phố	Lộ giới $\geq 14m$	0,0m	4 tầng
		$14m > \text{Lộ giới} \geq 4m$	0,0m	3 tầng
		Lộ giới $< 4m$	0,0m	2 tầng

*Trong quá trình cấp phép xây dựng cần xem xét khoảng lùi cụ thể của từng trường hợp cho phù hợp với hiện trạng của dãy phố và đảm bảo mỹ quan đô thị.*

### **Điều 7. Quy định chiều cao từng tầng nhà**

Chiều cao từng tầng được tính từ mặt sàn tầng dưới đến mặt sàn tầng trên được quy định trong Bảng 5

Bảng 5:

STT	Loại nhà ở	Chiều cao từng tầng nhà (m)		
		Hầm, bán hầm	Trệt	Lầu
1	Biệt thự	$\leq 3,6m$	$\leq 4,5m$	$\leq 3,6$
2	Nhà biệt lập tiêu chuẩn (nhà biệt lập)			
3	Nhà song lập		$\leq 4,0m$	
4	Nhà liên kế có sân vườn			
5	Nhà phố			



## **Điều 8. Quy định cao trình nền tầng trệt, tầng hầm và tầng bán hầm**

1. Trường hợp vị trí nhà xây dựng nằm trên lô đất bằng phẳng và có cao trình nền chênh lệch với cao trình đường, đường hẻm không quá 1m thì quy định cao trình nền tầng trệt và số tầng hầm như sau:

- Đối với khu vực quy định nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập): Cao trình nền tầng trệt chênh lệch không quá 1m so với cao trình đường, đường hẻm (hình số 1, 2 Phụ lục 2).

- Đối với khu vực quy định nhà liên kế có sân vườn, nhà phố: Cao trình nền tầng trệt bình quân cao +0,3m so với cao trình vỉa hè đường, đường hẻm và lối đi chung và được phép xây dựng tầng hầm. Trường hợp có đường dẫn xuống tầng hầm thì cao trình nền tầng trệt cao tối đa + 1,0m so với vỉa hè đường, đường hẻm và đường dẫn không được vi phạm chỉ giới đường đỏ.

2. Trường hợp vị trí nhà xây dựng nằm phía ta luy dương thì quy định cao trình nền tầng trệt như sau:

- Đối với khu vực quy định nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập):

+ Khi nhà xây dựng nằm trên lô đất diện tích lớn đủ điều kiện làm đường dẫn từ đường, đường hẻm vào nhà thì cao trình nền tầng trệt tính từ cao trình đường dẫn (hình số 3 Phụ lục 2).

+ Khi nhà xây dựng nằm trên lô đất diện tích nhỏ không thể làm đường dẫn từ đường, đường hẻm vào nhà thì cao trình tầng trệt phải tôn trọng địa hình đất tự nhiên, chỉ san gạt cục bộ. Trường hợp chênh lệch địa hình giữa cao trình nền tầng trệt với đường, đường hẻm thì cho phép xây dựng 01 tầng hầm để tiếp cận đường, đường hẻm và làm chỗ đậu xe với điều kiện diện tích tầng hầm không vượt quá phạm vi công trình và bề rộng cửa hầm phía giáp đường, đường hẻm không vượt quá 4m (hình số 4 Phụ lục 2).

- Đối với khu vực quy định nhà liên kế có sân vườn, nhà phố thì cho phép san gạt để cao trình nền tầng trệt cao trung bình +0,3m so với vỉa hè đường, đường hẻm và lối đi chung.

3. Trường hợp vị trí nhà xây dựng nằm phía ta luy âm thì quy định cao trình nền tầng trệt và số tầng bán hầm như sau:

- Đối với khu vực quy định nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập) khi nhà xây dựng nằm trên lô đất lớn đủ điều kiện làm đường dẫn từ đường, đường hẻm vào nhà thì cao trình nền tầng trệt tính từ cao trình đường dẫn và được phép xây dựng một tầng bán hầm (hình số 5 Phụ lục 2).

- Đối với khu vực quy định nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập): khi nhà xây dựng nằm trên lô đất nhỏ không thể làm đường dẫn từ đường, đường hẻm vào nhà thì số tầng bán hầm và cao trình nền tầng trệt được quy định như sau:

+ Khi độ dốc từ đầu đến cuối đất lô đất từ 15% đến dưới 30% hoặc lô đất thấp hơn đường, đường hẻm từ 1 đến dưới 3m thì cao trình nền tầng trệt không quá

+1,0m so với cao trình đường, đường hẻm và được phép xây dựng 01 tầng bán hầm (hình số 6 Phụ lục 2);

+ Khi độ dốc từ đầu đến cuối lô đất từ 30% trở lên hoặc lô đất thấp hơn đường, đường hẻm trên 3m thì phương án thiết kế (xác định cao trình nền tầng trệt, số tầng bán hầm), giải pháp kỹ thuật (san gạt, xử lý kè chắn đất) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, chấp thuận theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng, phá vỡ cảnh quan kiến trúc của khu vực và giải quyết cấp phép xây dựng theo quy định.

- Đối với khu vực quy định nhà liên kế có sân vườn, nhà phố cao trình nền tầng trệt bình quân +0,3m so với cao trình vỉa hè đường, đường hẻm. Trường hợp có đường dẫn xuống hầm thì cao trình nền tầng trệt cao tối đa +1,0m so với vỉa hè đường, đường hẻm và đường dẫn không được vi phạm chỉ giới đường đỏ (hình số 7, 8 Phụ lục 2).

4. Nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập), có xây dựng tầng bán hầm hồ sơ xin phép xây dựng phải xử lý mái nhà để mặt đứng phía sau nhà chỉ có tối đa 03 tầng. Tổng số tầng không quá 04 tầng kể cả tầng bán hầm, tầng áp mái.

5. Nhà liên kế có sân vườn, nhà phố có xây dựng tầng bán hầm phải có giải pháp xử lý mái nhà để mặt đứng phía sau nhà giảm đi 01 tầng.

6. Nhà biệt thự, biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập), song lập xây dựng xây dựng trên địa hình dốc, nằm tại trị trí ta luy âm hoặc dương, phải bạt mái ta luy và làm kè chắn đất, chiều cao mỗi bậc kè không quá 4,0m, từ tường ngoài nhà đến kè chắn và giữa các bậc kè phải có khoảng trống để trồng hoa, cây xanh. Nhà liên kế có sân vườn, nhà phố có thể kết hợp kết cấu kè vào kết cấu công trình.

## **Chương IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 9. Quy định về chỉ tiêu kiến trúc đối với nhà trong hẻm**

Công trình xây dựng trong hẻm thuộc đường, đoạn đường nào (theo Phụ lục 1) thì áp dụng theo dạng kiến trúc cho phép xây dựng đối với đường, đoạn đường đó.

Trường hợp công trình trong hẻm thông qua hai hoặc nhiều đường (thuộc Phụ lục 1) có chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc khác nhau, thì chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc xây dựng nhà trong hẻm theo bản đồ phân vùng quản lý chỉ tiêu kiến trúc trong hẻm được thể hiện trên bản vẽ hệ thống giao thông đô thị (do Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc ban hành sau khi có thỏa thuận chuyên môn với Sở Xây dựng).

### **Điều 10. Quy định về chỉ tiêu xây dựng các lô đất không đủ tiêu chuẩn**

1. Đối với các trường hợp đất ở, nhà ở trong các khu ở hiện trạng đã có giấy tờ hợp pháp (trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành) nhưng không đảm bảo diện tích, kích thước theo quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 Điều 4:



a) Đối với khu vực được xác định chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc là nhà biệt thự, biệt lập nhưng lô đất không đủ tiêu chuẩn theo quy định thì cho phép xây dựng với chỉ tiêu quản lý quy hoạch kiến trúc như sau:

- Tầng cao: 02 tầng (01 trệt và 01 tầng áp mái, không kể 01 tầng bán hầm do chênh lệch địa hình).

- Trường hợp lô đất có chiều ngang nhỏ hơn 6m thì cho phép xây dựng hết chiều ngang lô đất.

- Trường hợp lô đất có chiều ngang từ 6m đến nhỏ hơn 8m thì cho phép xây dựng cách ranh đất mỗi bên theo chiều ngang từ 0m đến 1m, đảm bảo chiều ngang nhà là 6m.

- Trường hợp lô đất có chiều ngang từ 8m đến nhỏ hơn 10m thì cho phép xây dựng cách ranh đất mỗi bên theo chiều ngang từ 1m đến 2m, đảm bảo chiều ngang nhà là 6m.

- Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi) theo quy định của đường, hẻm đó.

- Mật độ xây dựng theo quy định của nhà biệt thự, biệt lập.

Trường hợp các dãy nhà ở hiện trạng trong đường hẻm có ít nhất 3 nhà ở liền kề (liên kế có sân vườn, nhà phố) không đủ tiêu chuẩn về diện tích, kích thước chiều ngang để xây dựng nhà biệt thự tiêu chuẩn (nhà biệt lập), song lập thì cơ quan cấp phép xây dựng xem xét cho xây dựng dạng nhà liên kế có sân vườn có tầng cao quy định tại khu vực; khoảng lùi đảm bảo theo quy định của con đường, đoạn đường đó.

Trường hợp lô đất ở không đảm bảo diện tích theo quy định của các loại hình nhà ở (biệt thự, biệt lập, song lập) thì mật độ xây dựng được tính theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

b) Đối với khu vực được xác định chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc là nhà liên kế có sân vườn, nhà phố nhưng lô đất không đủ tiêu chuẩn theo quy định thì xây dựng với chỉ tiêu quản lý quy hoạch kiến trúc sau:

- Lô đất có diện tích nhỏ hơn  $15m^2$  có chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng nhỏ hơn 3m thì không được cấp phép xây dựng.

- Lô đất có diện tích từ  $15m^2$  đến nhỏ hơn  $40m^2$  có chiều rộng mặt tiền từ 3m trở lên và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng từ 3m trở lên thì được phép xây dựng không quá 2 tầng.

- Lô đất có chiều ngang xây dựng nhà liên kế có sân vườn từ 3m đến nhỏ hơn 4,5m và có diện tích từ  $40m^2$  đến nhỏ hơn  $72m^2$  thì xây dựng theo quy định của đường, hẻm đó.

- Lô đất có chiều ngang xây dựng nhà phố từ 3m đến nhỏ hơn 4m và có diện tích từ  $40m^2$  đến nhỏ hơn  $64m^2$  thì xây dựng theo quy định của đường, hẻm đó.

2. Đối với nhà phố nằm tại các đường hẻm có lộ giới nhỏ hơn 7m, không được xây dựng ban công ngoài lộ giới.

3. Trường hợp nhà nằm ngay góc giao của hai đường hoặc đường và hẻm hoặc hai hẻm có quy định lộ giới (chỉ giới) thì xây dựng phải tuân thủ khoảng lùi quy định của cả đường và hẻm.

### **Điều 11. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với hồ sơ xin phép xây dựng đã nộp và hết hạn giải quyết hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định của Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam; các trường hợp còn thời gian giải quyết thực hiện theo quy định này.

2. Đối với các trường hợp gia hạn Giấy phép xây dựng nhưng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc vượt so với quy định này thì phải lập hồ sơ xin phép xây dựng mới phù hợp với quy định này và các quy định hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**



**Quy định về lộ giới, dạng kiến trúc, khoảng lùi và tầng cao theo tên đường**  
 Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Lộ giới			Dạng kiến trúc	Khoảng Lùi (m)	Tầng Cao (tầng)	GHI CHÚ
					Tổng (m)	Trái (m)	Phải (m)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Bạch Đằng	Ranh xã Lộc Châu	Nút giao thông số 151	180	14	7	7	bên phải: biệt lập bên trái: Nhà liên kế sân vườn	3 2,4	3 4	Nút giao theo quy hoạch phân khu phường Lộc Tiến
		Nút giao thông số 151	Nút giao thông số 146	182	14	7	7	Nhà liên kế sân vườn	2,4	4	
		Nút giao thông số 146	Nhà thờ Tân Hà	93	24	12	12	Biệt thự, biệt lập	3	3	
2	Bà Triệu	Nguyễn Công Trứ	Quang Trung	186	12	6	6	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường 2
3	Bế Văn Đàn	Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	222	14	7	7	Nhà phố	0	5	Phường Blao
		Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Huy Chú	438	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường Blao
4	Bùi Thị Xuân	Hồ Tùng Mậu	Đường Ngô Sĩ Liên	1044	22	11	11	Nhà song lập	3	3	Phường 1
		Đường Ngô Sĩ Liên	Đường Lý Thường Kiệt	257	22	11	11	Nhà liên kế có sân vườn	3	5	
		Lý Thường Kiệt	Hồ Nam Phương 1	979	22	11	11	Song lập	3	3	Phường 1, Phường 2
5	Cao Bá Quát	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Đình Chiểu	1215	24	12	12	Nhà biệt thự, biệt lập	3	3	Phường Lộc Phát
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Văn Cừ	700	24	12	12	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường Lộc Phát
6	Châu Văn Liêm	Hẻm 520 Trần Phú	Hẻm 76 Nguyễn Trường Tộ	1173	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Tiến
7	Chi Lăng	Lam Sơn	Sông Đại Bình	1351	16	8	8	Nhà song lập	3	3	Phường Lộc Sơn
8	Chu Văn An	Bùi Thị Xuân	cuối đường	1256	26	13	13	Nhà phố	0	5	Phường 1, Phường 2
9	Cù Chính Lan	Đường 28/3	Lý Tự Trọng	314	10	5	5	Nhà phố	2,4	3	QHCT hồ Đồng Nai Phường 1
10	Duy Tân	Hà Giang	Nguyễn Công trứ	865	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	Phường 1
		Nguyễn Công trứ	Phan Đình Giót	229	20	11,5	8,5	liên kế sân vườn	0	4	Phường 1
		Phan Đình Giót	Hoàng Văn Thụ	337	20	10	10	Nhà phố	0	4	Phường 1

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
11	Đặng Trần Côn	Lý Thường Kiệt	Hồ Tùng Mậu	498	17	8,5	8,5	bên phải: Nhà biệt thự bên trái: Nhà liên kế sân vườn	3 2,4	3 4	Phường 1
12	Đào Duy Từ	Lý Thường Kiệt	Nút giao thông (E)	670	30	15	15	Nhà liên kế có sân vườn	2,5	4	Nút giao theo theo quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đường Lý Thường Kiệt
		Nút giao thông (E)	Nút giao thông (H)	446	30	15	15	Nhà biệt thự	4	3	
		Nút giao thông (H)	Nút giao thông (K)	387	30	15	15	Nhà liên kế có sân vườn	2,5	4	
		Nút giao thông (K)	đường Nguyễn Văn Cừ	362	30	15	15	Nhà biệt thự	4	3	
13	Đề Thám	Nguyễn Công Trứ	Lê Thị Pha	141	18	9	9	Nhà phố	0	5	Phường 1
14	Đình Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Ký Con	144	29	16,5	12,5	Nhà phố	0	5	Phường 1, Phường 2
		Ký Con	Chu Văn An	1054	25	12,5	12,5	Nhà phố	0	5	Phường 1, Phường 2
15	Đội Cấn	Trần Phú (Bến xe cũ Bảo Lộc)	Nhà 63 Đội Cấn	331	25	12,5	12,5	Nhà phố	0	5	Phường Lộc Sơn
		Nhà số 65 Đội Cấn	Hà Giang	232	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Sơn
16	Đường 1/5	Trần Phú	Phan Huy Chú	552	18	9	9	Nhà phố	0	5	Phường Blao
		Phan Huy Chú	Cống Nam Phương	1431	18	9	9	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường Blao
		Cống Nam Phương	đường Tô Hiến Thành	1895	18	9	9	bên phải: Nhà biệt thự bên trái: Nhà song lập	3 3	3 3	Phường Blao
17	Hai Tám Tháng Ba (28/3)	Hồng Bàng	Trần Phú	647	27	13,5	13,5	Nhà phố	Theo hiện trạng dây phố (3,5m)	3	Phường 1
		Trần Phú	Giáp Trường Thăng Long	391	12	6	6	Nhà phố	0	4	Phường Blao
18	Hai Bà Trưng	Hà Giang	Trần phú	314	18	9	9	Nhà phố	0	5	Phường 1
19	Hà Giang	Lê Hồng Phong	Hai Bà Trưng	160	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1
		Hai Bà Trưng	Bxe nội thị	336	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1, Lộc Sơn
		Bxe nội thị	Phạm Ngọc Thạch	710	30	20	10	Nhà phố	0	5	Phường 1, Lộc Sơn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Văn Cừ	258	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1, Lộc Sơn
20	Hà Huy Tập	Trần Phú	Nguyễn Trung Trực	655	13	6,5	6,5	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường 2
21	Hải Thượng Lãn Ông	Hồng Bằng	Hẻm 36 Hải Thượng Lãn ông	223	14	7	7	Nhà phố	0	4	Phường 1
		Hẻm 36 Hải Thượng Lãn Ông	Hẻm 54 Lý Thường Kiệt	705	14	7	7	Nhà song lập	3	3	Phường 1
22	Hồ Tùng Mậu	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Công Trứ	1350	24	12	12	Nhà phố	0	5	Phường 1
23	Hồng Bằng	Quanh UBND Thành phố (Hướng từ đường 28 tháng 3 đến đường Lê Hồng Phong)		918	26	10	16	Nhà phố	0	5	Phường 1, Phường 2
24	Hoài Thanh	Lam Sơn	Sông Đại Bình	1926	16	8	8	Nhà song lập	3	3	Phường Lộc Sơn
25	Hoàng Diệu	Nguyễn Văn Cừ ( đoạn giao với đường Cao Bá Quát)	Nguyễn Văn Cừ	467	16	8	8	Nhà song lập	3	3	Lộc Phát
26	Hoàng Văn Thụ										Phường 1, P. Lộc Sơn
		Lý Thường Kiệt	Nút giao thông số 108	1403	32	20	12	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường 1
		Nút giao thông số 108	Đội Cấn	866	25	12,5	12,5	Nhà phố	0	5	Phường 1
27	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Phú	Phan Đình Phùng	1834	32	16	16	Nhà phố	0	5	Phường 2
		H Thúc Kháng	Phan Đình Phùng	450	16	8	8	Liên kế có sân vườn	2,4	5	Phường 2
28	Kim Đồng	Phan Bội Châu	Lê Hồng Phong	100	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1
		Lê Hồng Phong	Lý Tự Trọng	239	30	15	15				Phường 1
		Lý Tự Trọng	Thủ Khoa Huân	207	16	8	8				Phường 2
29	Ký Con	Nguyễn Công Trứ	Đình Tiên Hoàng	328	22	11	11	Nhà phố	0	5	Phường 2
30	Lam Sơn	Trần Phú	Chi Lăng	800	14	7	7	Nhà phố	0	4	Phường Lộc Sơn
		Chi Lăng	Trần Phú (Đối diện Bxe)	1714	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Sơn
31	Lê hồng Phong	Hồng Bằng	Trần Phú	935	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1
32	Lê Lai	Phan Chu Trinh	Đường C1	1253	20	10	10	Biệt thự	3	3	Đường C1 theo quy hoạch phân khu dân cư mở rộng phường Lộc Tiến

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Đường C1	Phan Đình Phùng	121	20	10	10	Liên kế có sân vườn	2,4	5	Đường C1 theo quy hoạch phân khu dân cư mở rộng phường Lộc Tiến
33	Lê Lợi	Ranh giới xã Lộc Thanh	Nguyễn Văn Cừ	102	30	15	15	Nhà phố	0	5	P.Lộc Phát, xã Lộc Thanh
34	Lê Đại Hành	Đào Duy Từ	Nút giao thông 221	214	25	10	15	Nhà liên kế có sân vườn	2,5	4	Nút giao thông theo quy hoạch khu trung tâm mở rộng thành phố Bảo Lộc Địa điểm: phường Lộc Phát
		Nút giao thông 221	Trần Văn Giáp	786	25	10	15	Biệt thự	4,5	3	
		Trần Văn Giáp	Phạm Ngọc Thạch	75	23	10	13	Nhà phố	0	4	
35	Lê Ngọc Hân	Lương Thế Vinh	Hoàng Văn Thụ	156	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	Phường 1
		Hoàng Văn Thụ	Ngã tư giáp đất TTTTVH	255	22	11	11	Nhà phố	0	4	Phường 1
		Ngã tư giáp đất TTTTVH	Phạm Ngọc Thạch	344	30	19	11	Đất công trình công cộng			Phường 1
36	Lê Phụng Hiểu	Nút giao thông N18	Nút giao thông N20	224	30	15	15	Liên kế sân vườn	3	4	Nút giao thông theo quy hoạch chi tiết xây dựng đường Phan Đình Phùng - Lê Phụng Hiểu phường Lộc Tiến
		Nút giao thông N20	Đường Phan Chu Trinh	90	30	15	15	Biệt thự	4	3	
		Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	354	30	15	15	Liên kế có sân vườn	3	4	
37	Lê Quý Đôn	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tri Phương	642	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	4	phường P2, Lộc Tiến
38	Lê Thị Hồng Gấm	Phan Đăng Lưu	Lê Hồng Phong		20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1
39	Lê Thị Pha	Phan Đăng Lưu	Lê Hồng Phong	105	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1
		Lê Hồng Phong	28/3	221	24	12	12	Nhà phố	1,4	5	Phường 1
		28/3	Lý Tự Trọng	208	24	12	12	Nhà phố	0	4	Phường 1
40	Lê Văn Tám	Lý Tự Trọng	Nguyễn Văn Trỗi	309	24	12	12	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường 2
41	Lương Thế Vinh	Hà Giang	Lê ngọc Hân	405	15	7,5	7,5	Nhà phố	0	4	Phường 1
42	Lương Văn Can	Trần Phú (Nghĩa Trang)	Nút giao thông số 60	1003	20	10	10	Biệt thự	3	3	Phường Lộc Sơn
		Nút giao thông số 60	Nút giao thông số 37	336	20	10	10	bên phải: Nhà biệt thự bên trái: liên kế có sân vườn	3 2,4	3 4	Phường Lộc Sơn
		Nút giao thông số 37	Yết Kiêu	145	20	10	10	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Sơn



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
43	Lý Chính Thắng	Nguyễn Thái Học	Đầu đường Mạc Đĩnh Chi (bên trái) và số nhà 14 (bên phải)	177	12	6	6	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường 2
		Đầu đường Mạc Đĩnh Chi (bên trái) và số nhà 14 (bên phải)	đường Trần Nguyên Hãn	838	12	6	6	Nhà Song lập	3	3	Phường 2
44	Lý Nam Đế	Phan Đình Giót	Giáp đất công cộng (khu P2, khu QH Hà Giang)	211	20	8,5	11,5	Nhà phố	0	4	Phường 1
		Giáp đất (Khu P2, khu QH Hà Giang)	Hồ Tùng Mậu	59	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	Khu phường 2 theo QH khu trung tâm mở rộng của thành phố
45	Lý Thái Tổ	Chu Văn An	Nguyễn Chí Thanh	217	22	11	11	Liên kế sân vườn	3	4	Phường 2
		Nguyễn Chí Thanh	cổng hồ Nam Phương 1	136	24	12	12	Liên kế sân vườn	3	4	Phường 2
46	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Công Trứ	Nút giao thông số 005	616	30	15	15	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Nút giao thông số 005	Nút giao thông 006	88	30	15	15	Bên phải nhà biệt lập Bên trái nhà phố	3 0	3 5	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường I, II, B'Lao
		Nút giao thông 006	Đường quy hoạch D16	376	30	15	15	Nhà phố	0	5	
		Đường quy hoạch D16	Đường quy hoạch D17	442	30	15	15	Bên phải Nhà phố Bên trái Nhà biệt thự	0 6	5 3	
		Đường quy hoạch D17	Giáp Bảo Lâm	6485	30	15	15	Nhà biệt lập	3	3	
47	Lý Tự Trọng	Hồng Bàng	Trần Phú	735	26-27	13-13,5	13-13,5	Nhà phố	0	5	P 1, P 2 (Theo hiện trạng dây phố)
48	Mạc Đĩnh Chi	Lý Chính Thắng	Nhà số 124 và 159	926	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
		Nhà số 126 và 161	Trần Nguyên Hãn	1132	16	8	8	Nhà biệt lập	3	3	Phường 2
49	Mạc Thị Bưởi	Nguyễn Văn Cừ	Ranh xã Lộc Thanh	1069	20	10	10	Nhà biệt lập	3	3	Phường Lộc Phát
50	Mê Linh	Hà Giang	Đất trung tâm VH TDTT	476	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	Theo quy hoạch chi tiết Hà Giang
51	Ngô Đức Kế	Đường 1/5	HTX Thống Nhất	1585	16	8	8	Song lập	3	3	Phường Blao
52	Ngô Quyền	Nguyễn Văn Cừ	Trần Nguyên Đán	623	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Phát
53	Ngô Sĩ Liên	Hoàng Văn Thụ	Nút giao thông số 29	71	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	Nút giao thông theo quy hoạch khu trung tâm mở rộng của thành phố Bảo Lộc Địa điểm Phường I
		Nút giao thông số 29	Nút giao thông số 28	65	17	8,5	8,5	Biệt thự	3	3	
		Nút giao thông số 28	Nút giao thông số 16	460	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	
		Nút giao thông số 16	Đường Lý Thường Kiệt	108	18	8,5	8,5	Liên kế có sân vườn	3	4	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
54	Ngô Thị Nhậm	Hồng Bằng	Nguyễn Công Trứ	280	10	5	5	Nhà phố	0	4	Phường 1
55	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Khuyến	Đường Tây Sơn và số nhà 118	390	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
		Đường Tây Sơn và số nhà 118	Huỳnh Thúc Kháng	344	16	8	8	Nhà song lập	3	3	Phường 2
56	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thái Học	Số nhà 95 và 136 (số cũ 167 và 54)	538	24	12	12	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Số nhà 97 và 138 (số cũ 169 và 56)	Lý Thái Tổ	689	24	12	12	Liên kế có sân vườn	3	5	Phường 2
57	Nguyễn Công Trứ	Hoàng Văn Thụ	Hồ Tùng Mậu	447	44	23	21	Nhà phố	0	5	Phường 1
		Hồ Tùng Mậu	Phan Bội Châu	232	34	17	17	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Phan Bội Châu	Chu Văn An	2130	23	11,5	11,5	Nhà phố	0	5	Phường 1
58	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Đức Cảnh	419	14	7	7	Nhà song lập	3	3	Phường Lộc Phát
59	Nguyễn Hữu Chính	Huỳnh Thúc Kháng	Phan Đình Phùng	689	16	8	8	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường 2
60	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Trỗi	Huỳnh Thúc Kháng	678	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường 2
61	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Văn Cừ	Nút giao thông số 113	183	18	9	9	Bên phải: liên kế có sân vườn Bên trái: Nhà biệt thự	2,4 3	4 3	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường Lộc Phát Địa điểm: Phường Lộc Phát
		Nút giao thông số 113	Nút giao thông số 97	643	18	9	9	Liên kế có sân vườn	2,4	4	
		Nút giao thông số 97	Nút giao thông số 67	1003	18	9	9	Bên phải: Nhà biệt thự Bên trái: Liên kế có sân vườn	3 2,4	3 4	
		Nút giao thông số 67	đường Cao Bá Quát	547	18	9	9	Liên kế có sân vườn	2,4	4	
62	Nguyễn Đức Cảnh	Nguyễn Văn Cừ	Phạm Ngọc Thạch	1022	20	10	10	Nhà song lập	3	3	Phường Lộc Phát
63	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Văn Cừ	Nút giao thông số 2	164	30	15	15	Nhà phố	0	4	Nút giao thông theo QHCT khu 7, phường Lộc Phát Địa điểm: Phường Lộc Phát
		Nút giao thông số 2	Cống khu 7, Lộc Phát	479	30	15	15	Liên kế có sân vườn	4,5	4	
		Cống khu 7, Lộc Phát	Lý Thường Kiệt	2930	30	15	15	Nhà biệt lập	4,5	3	
64	Nguyễn Thái Học	Phan Đình Phùng	Mạc Đĩnh Chi	258	32	16	16	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Mạc Đĩnh Chi	Nguyễn Công Trứ	669	16	8	8	Nhà phố	0	5	Phường 2
65	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 1/5	Trần Phú	1071	14	7	7	Nhà phố	0	4	Phường Blao

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
66	Nguyễn Trái	Ranh giới xã Lộc Thanh	Trần Bình Trọng	127	16	8	8	Nhà biệt lập	3	3	Phường Lộc Phát
67	Nguyễn Tri Phương	Trần Phú	Nhà thờ	371	18	9	9	Nhà phố	0	4	đường quy hoạch C1 theo quy hoạch khu dân cư mở rộng phường Lộc Tiến Địa điểm: Phường Lộc Tiến
		Nhà thờ	đường quy hoạch C1	1451	18	9	9	Nhà Biệt lập	3	3	
		đường quy hoạch C1	Phan Đình Phùng	318	24	12	12	Liên kế có sân vườn	3	4	
68	Nguyễn Trường Tô	Hẻm 520 Trần Phú	Phan Chu Trinh	1282	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Tiến
69	Nguyễn Trung Trực	Trần Phú	đường QH (khu đất hành chính) giáp đất chè, phường 2	520	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
70	Nguyễn Tuân	Trần Phú	Trường Hai Bà Trưng	205	14	7	7	Nhà phố	0	5	Nút giao thông theo QHCT xây dựng khu dân cư TĐC trường ĐH Tôn Đức Thắng Địa điểm: Phường Lộc Tiến
		Trường Hai Bà Trưng	Khu quy hoạch CTXD dân cư trường ĐH Tôn Đức Thắng	181	14	7	7	Biệt thự	3	3	
		Khu quy hoạch CTXD dân cư trường ĐH Tôn Đức Thắng	Nút giao thông số 17	437	18	9	9	Liên kế có sân vườn	3	4	
		Nút giao thông số 17	Đường 1 Tháng 5	185	18	9	9	Nhà song lập	3	3	
71	Nguyễn Văn Cừ	Trần Phú	Cầu đôi	1414	30	15	15	Nhà phố	0	5	Phường Lộc Sơn, Lộc Phát
		Cầu đôi	Nút giao thông 140	1467	30	15	15	Nhà biệt lập	3	3	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường Lộc Phát Địa điểm: phường Lộc Phát
		Nút giao thông 140	Đường Nguyễn Đình Chiểu	145	30	15	15	Bên trái nhà biệt lập Bên phải nhà phố	3 0	3 5	
		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Bên trái: Nhà máy chè Phương Nam Bên phải: Đường Trần Cao Vân	5026	30	15	15	Nhà phố	0	5	
		Bên trái: Nhà máy chè Phương Nam Bên phải: Đường Trần Cao Vân	Giáp Bảo Lâm	1858	30	15	15	Nhà song lập	3	3	
72	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Phú	Lê Văn Tám	328	18	9	9	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Lê Văn Tám	Nguyễn Công Trứ	661	18	9	9	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường 2
73	Phạm Ngọc Thạch	Hà Giang	Đập Hồ Nam Phương 2	941	32	20	12	Nhà phố	0	5	Phường 1, Phường L Sơn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Đập Hồ Nam Phương 2	Đào duy từ	1040	32	12	20	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường Lộc Phát
74	Phạm Ngũ Lão	Hồng Bàng	Ký Con	230	22	11	11	Nhà phố	0	5	Phường 2
75	Phạm Phú Thứ	Trần Phú	Suối	300	10	5	5	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Blao
		Suối	Trần Quốc Toàn	344	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Blao
76	Phan Bội Châu	Hồng Bàng	Nguyễn Công Trứ	360	20	8	12	Nhà phố	0	5	Phường 1
		Nguyễn Công Trứ	Lê Thị Pha	163	22	11	11	Nhà phố	0	5	Phường 1
		Lê Thị Pha	Hà Giang	302	20	10	10	Nhà phố	0	5	Phường 1
77	Phan Chu Trinh	Trần Phú	Nút giao thông 155	119	23	11,5	11,5	Nhà phố	0	4	Nút giao thông theo QH phân khu phường Lộc Tiến Đại điểm: Phường Lộc Tiến
		Nút giao thông 155	Nút giao thông 102	743	23	11,5	11,5	Biệt lập	3	3	
		Nút giao thông 102	Nút giao thông 98	275	23	11,5	11,5	Nhà liên kế có sân vườn	3	4	
		Nút giao thông 98	Nút giao thông 54	98	23	11,5	11,5	Biệt lập	3	3	
		Nút giao thông 54	đường Phan Đình Phùng	1405	23	11,5	11,5	liên kế có sân vườn	3	4	
		đường Phan Đình Phùng	Nhà máy Cao Lanh	884	23	11,5	11,5	Biệt lập	3	3	
78	Phan Huy Chú	Đường 1/5	Trần Quốc Toàn	576	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Blao
79	Phan Đăng Lưu	Nguyễn Công Trứ	Hà Giang	472	11	5,5	5,5	Nhà phố	0	4	Phường 1
80	Phan Ngọc Hiển	Trần Phú	Nút giao thông 207	256	14	7	7	Nhà phố	0	4	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường Lộc Tiến Địa điểm: Phường Lộc Tiến
		Nút giao thông 207	Ranh Khu quy hoạch CTXD dân cư trường ĐH Tôn Đức Thắng	376	18	9	9	Biệt lập	3	3	
		Ranh Khu quy hoạch CTXD dân cư trường ĐH Tôn Đức Thắng	Nút giao thông 245	244	18	9	9	Bên trái nhà biệt lập Bên phải liên kế có sân vườn	3 3	3 4	
		Nút giao thông 245	Đường 1 Tháng 5	172	18	9	9	Biệt lập	3	3	
81	Phan Đình Giót	Phan Bội Châu	Bùi Thị Xuân	413	12	6	6	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 1
		Bùi Thị Xuân	Hồ Tùng Mậu	111	14	7	7	Liên kế sân vườn	3	4	Phường 1
		Hồ Tùng Mậu	Hoàng Văn Thụ	313	20	11,5	8,5	Nhà phố	0	4	Phường 1
82	Phan Đình Phùng	Nguyễn Công Trứ	Bên trái: đường Yên Thế Bên phải hẻm số 172	1078	30	15	15	Nhà phố	0	5	

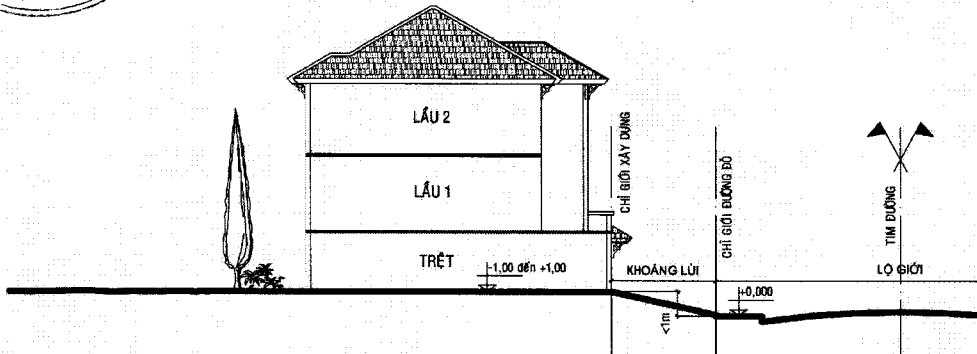
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Bên trái: đường Yên Thế Bên phải hẻm số 172	Bên trái: đường Nguyễn Hữu Chính Bên phải hẻm số 268	549	30	15	15	Biệt lập	3	3	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường Lộc Tiến Địa điểm: Phường 2 - Phường Lộc Tiến
		Bên trái: đường Nguyễn Hữu Chính Bên phải hẻm số 268	Đường Lê Lai	1963	30	15	15	Liên kế có sân vườn	3	4	
		Đường Lê Lai	Nút giao thông 10	855	30	15	15	Biệt lập	3	3	
		Nút giao thông 10	Đường Phan Chu Trinh	962	30	15	15	Liên kế có sân vườn	3	4	
83	Phùng Hưng	Phan Chu Trinh	Giáp xã Lộc Tân	2153	24	12	12	Biệt lập	4,5	2	Phường Lộc Tiến
84	Phùng Khắc Khoan	Nguyễn Văn Cừ	Tầng Bạt Hồ	127	16	8	8	Nhà phố	0	4	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường Lộc Phát Địa điểm: Phường Lộc Phát
		Tầng Bạt Hồ	Nút giao thông 35	1772	16	8	8	Biệt lập	3	3	
		Nút giao thông 35	Nguyễn Văn Cừ	143	16	8	8	Liên kế có sân vườn	2,4	4	
85	Quang Trung	Ký Con	Võ Thị Sáu	455	24	12	12	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Võ Thị Sáu	Bà Triệu	198	16	8	8	Nhà phố	0	5	Phường 2
		Bà Triệu	Lý Thường Kiệt	154	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	5	Phường 2
86	Tây Sơn	Nguyễn Bình Khiêm	Phan Đình Phùng	778	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
87	Tầng Bạt Hồ	Nguyễn Văn Cừ	Trần Bình Trọng	735	14	7	7	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Nút giao thông theo quy hoạch phân khu phường Lộc Phát Địa điểm: Phường Lộc Phát
		Trần Bình Trọng	Nút giao thông 201	713	14	7	7	Biệt lập	3	3	
		Nút giao thông 201	đường Ngô Quyền	91	14	7	7	Liên kế có sân vườn	2,4	4	
88	Thủ Khoa Huân	Hồng Bàng	Nguyễn Công Trứ	191	16	8	8	Đất công trình công cộng			Phường 2
89	Tô hiệu	Trần phú	Nguyễn Văn Cừ	594	14	7	7	Nhà phố	0	4	Phường Lộc Sơn
90	Tố Hữu	Trần Hưng Đạo (gần ngã ba Đại Bình)	Trần Hưng Đạo	1050	16	8	8	Liên kế sân vườn	3	4	Phường Lộc Sơn
91	Trần Bình Trọng	Nguyễn Văn Cừ	Ranh xã Lộc Thanh	1341	18	9	9	Nhà phố	0	4	Phường Lộc Phát, xã Lộc Thanh
92	Trần Cao Vân	Hẻm 520 Trần Phú	Nhà thờ Thánh Tâm	390	14	7	7	Biệt Lập	3	3	Phường Lộc Tiến
		Nhà thờ Thánh Tâm	Hẻm 726 Trần Phú	525	14	7	7	Bên trái nhà liên kế có sân vườn Bên phải nhà biệt lập	3 3	4 3	Phường Lộc Tiến
93	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	Nút giao thông 125	688	40	20	20	Nhà phố	0	5	Phường Lộc Sơn
		Nút giao thông 125	Ranh Bảo Lâm	2698	40	20	20	Liên kế có sân vườn	2,4	5	Phường Lộc Sơn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
94	Trần Khánh Dư	Nguyễn Văn Cừ (gần nhà thờ Glooa)	Nguyễn Văn Cừ (cây xăng)	2286	18	9	9	Biệt lập	3	3	Phường Lộc Phát
95	Trần Nhật Duật	Trần Nguyễn Hân	Giáp ranh xã ĐamB'ri	326	20	10	10	Biệt lập	3	3	Phường 2
96	Trần Nguyên Hân	Nguyễn Chí Thanh	Trần Tế Xương	435	14	7	7	Nhà phố	0	4	Phường 2
		Trần Tế Xương	Mạc Đĩnh Chi	694	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
97	Trần Nguyên Đán	Nguyễn Văn Cừ	Ngô Quyền	545	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Phát
98	Trần Phú (Quốc lộ 20)	Cầu Minh Rồng	Trần Hưng Đạo	1388	50	25	25	Liên kế có sân vườn	3	5	Phường Lộc Sơn
		Trần Hưng Đạo	Nghĩa trang liệt sỹ	7775	27	13,5	13,5	Nhà phố	0	5	Việc XD phải đảm bảo thẳng tuyến phố hiện hữu (P. Lộc Sơn, I, II, Blao, Lộc Tiến, Lộc Châu)
99	Trần Quốc Toàn	Trần Phú	NM Chè 28/3 cũ	1069	18	9	9	Nhà phố	0,4	5	Phường Blao
100	Trần Văn Giáp	Phạm Ngọc Thạch Gần NH Đình Viên	Giáp đất Hồ Nam Phương 2	76	17	8,5	8,5	Nhà phố	0	4	Phường Lộc Phát
		Giáp đất Hồ Nam Phương 2	Lê Đại Hành	207	22	8,5	13,5	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Phát
		Lê Đại Hành	Phạm Ngọc Thạch gần giao Đào Duy từ	531	17	8,5	8,5	Liên kế có sân vườn	2,4	5	Phường Lộc Phát
101	Triệu Quang Phục	Đường 1/5	Nghĩa địa	1172	16	8	8	Song lập	3	3	Phường Blao
102	Trương Vĩnh Ký	Hoàng Văn Thụ	Bùi Thị Xuân	324	17	8,5	8,5	Liên kế có sân vườn	2,4	4	Phường 1
103	Tuệ Tĩnh	Hà Giang	Bệnh viện YH cổ Truyền	399	12	6	6	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Sơn
104	Văn Cao	Nguyễn Văn Cừ	Hồ Lộc Thanh	1170	18	9	9	Biệt lập	3	3	Phường Lộc Phát
105	Võ Thị Sáu	Quang Trung	Nguyễn Công Trứ	191	16	8	8	Nhà phố	0	5	Phường 2
106	Võ Văn Tần	Nguyễn Trung Trực	Hà Huy Tập	283	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
107	Yên Thế	Phan Đình Phùng	Nguyễn Hữu Chính	422	14	7	7	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường 2
108	Yết Kiêu	Trần Phú	Nguyễn Văn Cừ	826	16	8	8	Liên kế sân vườn	2,4	4	Phường Lộc Sơn

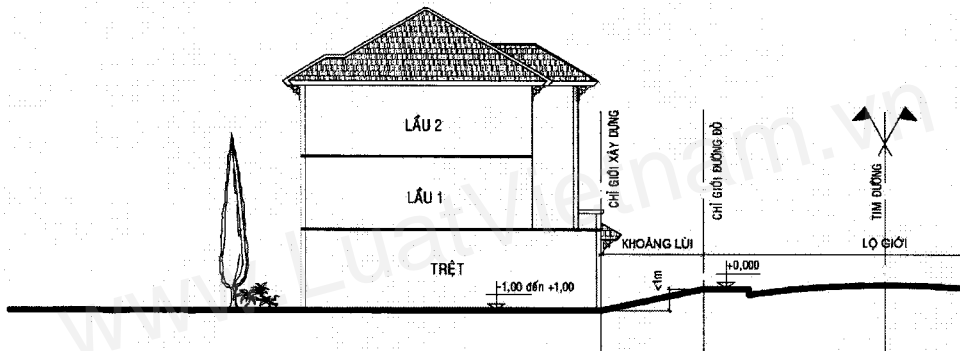




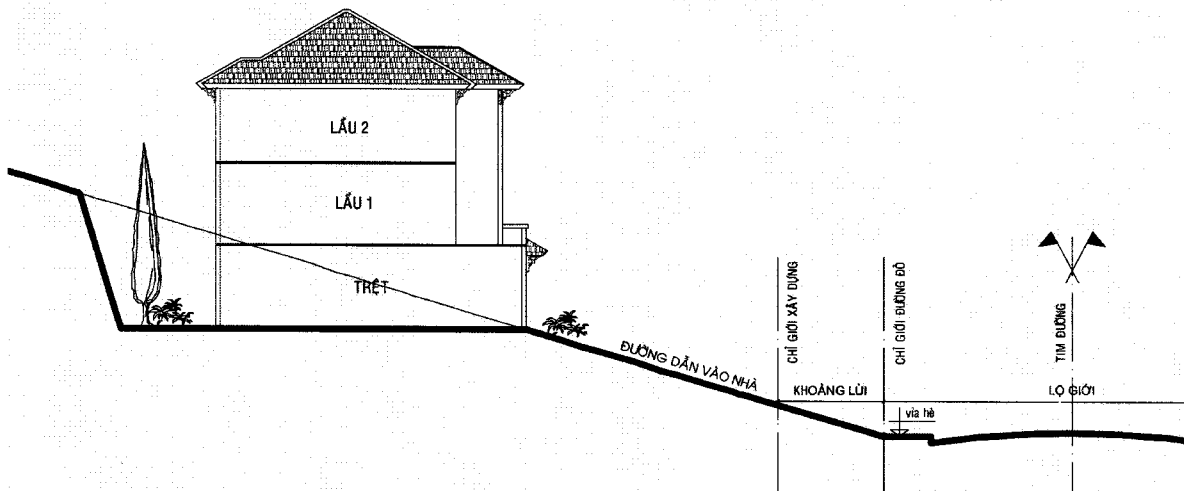
**Phụ lục 2 Quy định cao trình nền tầng trệt, tầng hầm và bán hầm**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2016/QĐ-UBND  
ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



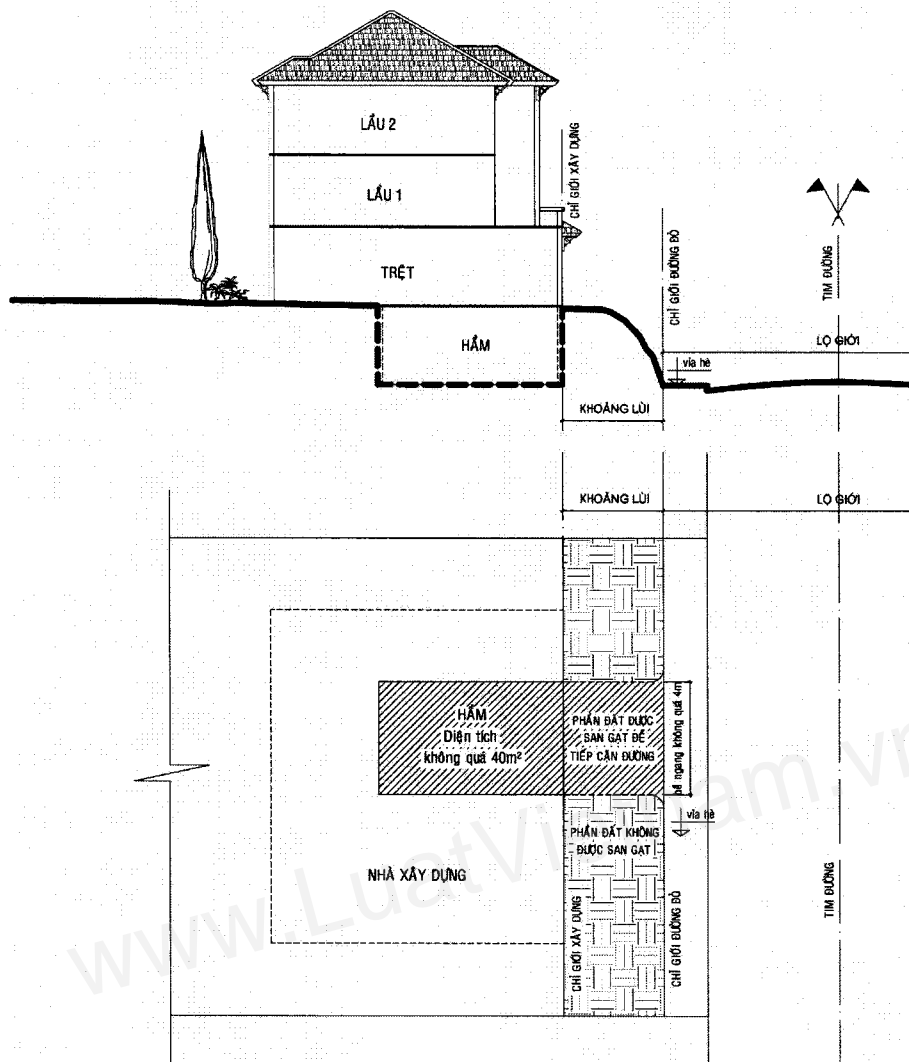
Hình 01



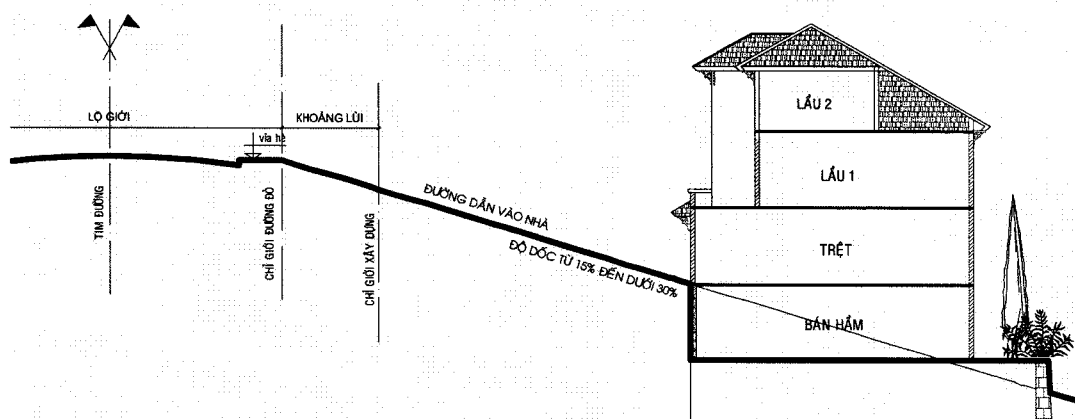
Hình 02



Hình 03



Hình 04



Hình 05